

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/DS-ST
Ngày 14 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Ông Đường Ngọc Đại

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Tầng 1-7, tòa nhà T, số xx phố T, phường T1, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số xx, đường L, phường L1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền lại số 564/2016/UQ-GĐK-TDĐT ngày 08/12/2016).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ x, đường L, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2016 của nguyên đơn và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V là bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 25 tháng 9 năm 2014 chị Nguyễn Thị Lan P có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20141006-129006-0005 (số hiệu hồ sơ 434085) với Ngân hàng V – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 13.650.000đồng (*mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), lãi suất 60%/năm (tức 5%/tháng), với mục đích tiêu dùng cá nhân 13.000.000đồng, đóng phí bảo hiểm khoản vay 650.000đồng, thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 07/10/2014. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, chị P có trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 39.694.000đồng, 35 tháng đầu trả 825.000đồng, tháng cuối cùng trả 819.000đồng. Thanh toán vào ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 07/11/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị P đã nhận đủ số tiền vay là 13.650.000đồng và thanh toán cho Ngân hàng được 10 lần với tổng số tiền là 8.273.000đồng, trong đó gốc là 1.792.346đồng, tiền lãi là 6.480.654đồng. Kể từ ngày 23/9/2015 chị P không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng V, dù đã được nhắc nhở nhiều lần. Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu chị P phải thanh lý hợp đồng và trả cho Ngân hàng V những khoản sau:

- Toàn bộ khoản nợ tới hạn: 13.177.000đồng
- Nợ gốc chưa tới hạn: 6.366.353đồng
- Khoản lãi của tháng cuối cùng: 318.318đồng
- Phí thanh lý hợp đồng sớm: 387.309đồng
- Phạt trễ hạn thanh toán: 3.600.000đồng

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V xin rút một phần yêu cầu đối với chị P, Ngân hàng V không yêu cầu chị P phải thanh toán các khoản: Phí thanh lý sớm (387.309 đồng) và phạt trễ hạn thanh toán (3.600.000 đồng) và không tính tiền lãi phát sinh tính từ ngày Ngân hàng V khởi kiện cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Ngân hàng V yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Lan P phải trả số tiền là **19.543.353 đồng** (*Mười chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm năm mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc là 11.857.654 đồng, nợ lãi tính đến ngày Ngân hàng V khởi kiện (ngày 08/12/2016) là 7.685.699 đồng. Đối với tiền lãi tính từ sau ngày xét xử cho đến khi chị P thanh toán hết khoản nợ thì Ngân hàng V đề nghị tính lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan P tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án chị P trình bày: Chị thừa nhận ngày 25 tháng 9 năm 2014 chị đã làm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V, số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn vay, mục đích vay, phương thức thanh toán và số tiền chị đã thanh toán và số tiền chị còn nợ đúng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Nay Ngân hàng V khởi kiện, chị hoàn toàn nhất trí trả nợ cho Ngân hàng V và đồng ý về việc Ngân hàng V miễn khoản thanh lý hợp đồng sớm và khoản phạt trễ hạn thanh toán cho chị. Nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên chị xin được trả dần số tiền 15.000.000 đồng trong vòng 03 tháng, kể từ tháng 8/2017, mỗi tháng sẽ trả Ngân hàng V 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại đề nghị Ngân hàng V miễn cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng V là Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được thực hiện các hoạt động trung gian tiền tệ (Kinh doanh ngân hàng, Kinh doanh ngoại tệ và làm dịch vụ Ngân hàng bằng ngoại tệ...) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 25 tháng 9 năm 2014 giữa Ngân hàng V - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với chị Nguyễn Thị Lan P, địa chỉ cư trú: Tổ x, đường L, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc đã ký kết Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20141017-149006-0003 về việc Ngân hàng V cho chị P vay số tiền 13.650.000 đồng với mục đích tiêu dùng. Do chị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20141006-129006-0005 (số hiệu hồ sơ 434085) ngày 25 tháng 9 năm 2014 và được quy định tại khoản 3.2 Điều 3 trong Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ nên Ngân hàng V khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 25 tháng 9 năm 2014 bị đơn làm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20141006-129006-0005 (số hiệu hồ sơ 434085) và ngày 07 tháng 10 năm 2014 được nguyên đơn đồng ý và phê duyệt khoản vay; số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 13.650.000 đồng, gồm 13.000.000 đồng vay mục đích tiêu dùng và 650.000 đồng là phí bị đơn đóng bảo hiểm khoản vay, lãi suất vay là 60%/năm, tức 5%/tháng, thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 07/10/2014, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền cả gốc và lãi là 39.694.000 đồng, phương thức thanh toán là hàng tháng, 35 tháng đầu trả 825.000 đồng, tháng cuối cùng trả 819.000 đồng. Thanh toán vào ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 07/11/2014. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 10 kỳ với tổng số tiền trả là 8.273.000 đồng, trong đó gốc là 1.792.346 tiền lãi là 6.480.654 đồng. Kể từ ngày 23/9/2015 thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, tính đến ngày 08 tháng 12 năm 2016 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền **23.848.980 đồng** (*Hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm tám mươi đồng*), trong đó: Toàn bộ khoản nợ tới hạn: 13.177.000 đồng; Nợ gốc chưa tới hạn: 6.366.353 đồng; Khoản lãi của tháng cuối cùng: 318.318 đồng; Phí thanh lý hợp đồng sớm: 387.309 đồng; Phạt do chậm thanh toán: 3.600.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả khoản số tiền 3.987.309 đồng là Phí thanh lý hợp đồng sớm: 387.309 đồng và Phạt trễ hạn thanh toán: 3.600.000 đồng. Ngoài ra còn không tính tiền lãi phát sinh tính từ ngày Ngân hàng V khởi kiện cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.987.309 đồng của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền 3.987.309 đồng, nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại chị P để yêu cầu về số tiền này. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 14/9/2017 là **19.543.353 đồng** (*Mười chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm năm mươi ba*

đồng), trong đó: Nợ gốc là 11.857.654 đồng, nợ lãi tính đến ngày Ngân hàng V khởi kiện (ngày 08/12/2016) là 7.685.699 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là sự thật khách quan, Hội đồng xét xử công nhận nội dung trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền là 15.000.000 đồng trong vòng 03 tháng, kể từ tháng 8/2017, mỗi tháng bị đơn sẽ trả nguyên đơn 5.000.000 đồng và đề nghị xin được miễn số tiền còn lại. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn mà chỉ đồng ý không tính lãi kể từ ngày khởi kiện cho đến ngày Tòa án xét xử và tự nguyện điều chỉnh lãi suất đối với nghĩa vụ chậm thanh toán của bị đơn theo lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền là **19.543.353 đồng** (*Mười chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm năm mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc là 11.857.654 đồng, nợ lãi tính đến ngày Ngân hàng V khởi kiện (ngày 08/12/2016) là 7.685.699 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 19.543.353 đồng x 5% = 977.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 16 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; Các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 218, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu kiện đòi số tiền 3.987.309 đồng (*Ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm linh chín đồng*) là Phí thanh lý hợp đồng sớm: 387.309 đồng và Phạt trễ hạn thanh toán: 3.600.000 đồng của Ngân hàng V đối

với chị Nguyễn Thị Thu Phương. Ngân hàng V không có quyền khởi kiện lại chị Nguyễn Thị Lan P để yêu cầu về số tiền này.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Lan P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V tổng số tiền là 19.543.353 đồng (*Mười chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm năm mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc là 11.857.654 đồng và nợ lãi tính đến ngày Ngân hàng V khởi kiện (ngày 08/12/2016) là 7.685.699 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lan P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 977.000 đồng (*Chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*). Ngân hàng V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0003210 ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Ngân hàng V có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị Lan P chưa thanh toán được số tiền nêu trên thì hàng tháng chị Nguyễn Thị Lan P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phúc Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh